

令和8年度 信州大学一般選抜(前期日程) 合格者受験番号一覧

工学部
工学科
応用化学コース

TH10002A TH10324A
TH10005K TH10327K
TH10010D TH10329D
TH10303X TH10330K
TH10304M TH10332D
TH10305H TH10333Z
TH10306B TH10334X
TH10309U TH10335M
TH10312U TH10336H
TH10314C TH10337B
TH10315D TH10339Y
TH10316Z TH10347Z
TH10317X TH10349M
TH10319H TH10350Z
TH10320X TH10351X

TH10356Y
TH10358K
TH10359C
TH10360U
TH10362C
TH10366M
TH10367H
TH10372A
以上 38名

環境・エネルギー材料コース

TH10006C TH20003C
TH10009X TH20012B
TH10011Z TH20013A
TH10302Z TH20015U
TH10307A TH20017C
TH10308Y TH20019Z
TH10313K TH20022Z
TH10328C TH20023X
TH10342Y TH20025H
TH10345C TH20302H
TH10353H TH20303B
TH10354B TH20306U
TH10355A TH20307K
TH10368B TH20309D
TH20001U TH20310K

令和8年度 信州大学一般選抜(前期日程) 合格者受験番号一覧

工学部

工学科

環境・エネルギー材料コース 水環境・土木コース

電気電子コース

TH20311C	TH30003X	TH30049M	TH30083M	TH40001M
TH20312D	TH30008Y	TH30052M	以上 31名	TH40003B
TH20314X	TH30013K	TH30054B		TH40004A
TH20316H	TH30016Z	TH30055A		TH40005Y
TH20321A	TH30018M	TH30058K		TH40006U
TH20322Y	TH30024A	TH30060U		TH40007K
TH20325C	TH30026U	TH30061K		TH40008C
以上 37名	TH30028C	TH30063D		TH40009D
	TH30031C	TH30064Z		TH40010K
	TH30033Z	TH30067H		TH40011C
	TH30036H	TH30074U		TH40013Z
	TH30037B	TH30076C		TH40015M
	TH30038A	TH30077D		TH40016H
	TH30039Y	TH30078Z		TH40017B
	TH30043U	TH30081Z		TH40018A

令和8年度 信州大学一般選抜(前期日程) 合格者受験番号一覧

工学部
工学科
電気電子コース

機械物理コース

TH40019Y	TH40055K	TH50001A	TH50025X	TH50052K
TH40020B	TH40056C	TH50002Y	TH50026M	TH50057M
TH40022Y	TH40058Z	TH50003U	TH50029A	TH50058H
TH40023U	TH40059X	TH50005C	TH50030H	TH50067C
TH40025C	TH40060D	TH50006D	TH50032A	TH50069Z
TH40026D	TH40061Z	TH50010Z	TH50033Y	以上 35名
TH40027Z	TH40062X	TH50012M	TH50035K	
TH40028X	以上 37名	TH50013H	TH50037D	
TH40030Z		TH50015A	TH50040D	
TH40039C		TH50017U	TH50043M	
TH40046M		TH50018K	TH50044H	
TH40049A		TH50020U	TH50046A	
TH40052A		TH50021K	TH50047Y	
TH40053Y		TH50023D	TH50048U	
TH40054U		TH50024Z	TH50050Y	

令和8年度 信州大学一般選抜(前期日程) 合格者受験番号一覧

工学部
工学科
智能機械コース

TH50045B TH60018Z
TH50049K TH60020D
TH60001K TH60021Z
TH60002C TH60022X
TH60003D TH60026A
TH60004Z TH60027Y
TH60006M TH60031U
TH60008B TH60032K
TH60011B TH60034D
TH60012A TH60038H
TH60013Y TH60041H
TH60014U TH60042B
TH60015K TH60044Y
TH60016C TH60047C
TH60017D TH60049Z

TH60054M
以上 31名

建築学コース

TH70002X TH70032Z
TH70004H TH70033X
TH70005B TH70036B
TH70006A TH70046Z
TH70012K TH70048M
TH70013C TH70050X
TH70014D TH70052H
TH70016X TH70058C
TH70018H TH70059D
TH70019B TH70061C
TH70024Y TH70063Z
TH70025U TH70064X
TH70027C TH70070B
TH70029Z TH70073U
TH70031D TH70075C

令和8年度 信州大学一般選抜(前期日程) 合格者受験番号一覧

工学部
工学科
建築学コース

情報サイエンスコース

情報デザインコース

TH70077Z
TH70079M
TH70082M
TH70085A
TH70091K
TH70093D
TH70099A
以上 37名

TH80001H
TH80002B
TH80004Y
TH80007C
TH80011D
TH80012Z
TH80013X
TH80015H
TH80018Y
TH80022U
TH80025D
TH80026Z
TH80032H
TH80033B
TH80034A

TH80037K
TH80040K
TH80042D
TH80047B
TH80048A
TH80049Y
TH80054K
TH80056D
TH80059M
TH80060Z
TH80061X
TH80066Y
TH80073D
TH80075X
TH80076M

TH80078B
TH80083Y
TH80084U
TH80087D
TH80088Z
TH80095B
以上 36名

TH80016B
TH80023K
TH80062M
TH80097Y
TH90002U
TH90004C
TH90005D
TH90009H
TH90011M
TH90013B
TH90014A
TH90017K
TH90022D
TH90025M
TH90026H

令和8年度 信州大学一般選抜(前期日程) 合格者受験番号一覧

工学部
工学科
情報デザインコース

TH90027B	TH90065K
TH90028A	TH90066C
TH90031A	TH90070D
TH90035C	TH90071Z
TH90037Z	TH90081U
TH90038X	以上 35名
TH90039M	
TH90042M	
TH90048K	
TH90050U	
TH90051K	
TH90054Z	
TH90058B	
TH90060H	
TH90061B	